

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/5/2019.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT Q

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Long.

2. Ông Hồ Hải Phong.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – cán bộ
Tòa án nhân dân Quận 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn
Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 449/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm
2018, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/QĐXXST-HNGĐ
ngày 02 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-
HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hạ D, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường 1, Thành phố G, tỉnh TG.

- Bị đơn: Ông Lưu Phạm Lê Q, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các biên bản do Tòa án lập, nguyên đơn bà Nguyễn
Hạ D trình bày:*

Bà và ông Lưu Phạm Lê Q kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; giấy chứng nhận kết
hôn số 66/2015, ngày 15/9/2015.

Sau khi kết hôn đôi bên chung sống tại căn hộ do gia đình bà mua cho bà
tại Chung cư Homyland 2 trên đường Nguyễn DT, Quận 2. Đến tháng 01/2016
thì bà sinh con và về sống tại nhà cha mẹ ruột số N Phường M, thành phố G,

tỉnh TG. Ông Q vẫn đi đi về về giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố G để thăm vợ con.

Khoảng tháng 6/2016, bà phát hiện ông Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và chung sống như vợ chồng ngay tại căn hộ của bà tại Chung cư Homyland 2 trên đường Nguyễn DT, Quận 2. Sau khi phát hiện, bà có báo cho cha mẹ ruột biết, cha mẹ chồng cũng đã xuống nhà cha mẹ ruột bà giải quyết, khuyên nhủ ông Q chấm dứt mối quan hệ trên nhưng ông Q vẫn tiếp tục D trì mối quan hệ bất chính này và từ tháng 01/2017 đến nay ông Q không còn về thăm vợ con.

Nhận thấy mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được nữa và ông Q không có trách nhiệm gì với con ruột của mình. Do đó, ngày 12/4/2018, bà nộp đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với ông Lưu Phạm Lê Q tại Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh không liên lạc được với ông Q và đã tiến hành xác minh được biết ông Lưu Phạm Lê Q hiện không còn cư trú tại 13-13 lô C Chung cư Phạm Viết Chánh, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường X, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh: *“Đương sự Lưu Phạm Lê Q, sinh năm T88 có thực tế cư trú tại 1, phường X, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh”*. Do đó, bà nộp đơn khởi kiện lại tại Tòa án nhân dân Quận 2 xin ly hôn với ông Lưu Phạm Lê Q.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lưu Nguyễn KD, sinh ngày: 03/01/2016. Bà D xin được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà D khai không có.

Bà Nguyễn Hạ D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn là ông Lưu Phạm Lê Q đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa công khai các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý và Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán cần lưu ý về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Chương X Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung yêu cầu của đương sự: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn bà Nguyễn Hạ D yêu cầu ly hôn với ông Lưu Phạm Lê Q nên có cơ sở xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn là ông Lưu Phạm Lê Q tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện có cư trú thực tế tại địa chỉ số 1, phường X, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[3] Về tố tụng:

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ và theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Hạ D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn là ông Lưu Phạm Lê Q đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Xét phạm vi giải quyết của vụ án: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy phạm vi giải quyết vụ án là trong phạm vi các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/01/2019 thì

nguyên đơn có mặt và đã thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; bị đơn vắng mặt và đã được tổng đạt niêm yết Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/01/2019 theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã được tiếp cận các chứng cứ, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/01/2019 và không ai có yêu cầu, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 91, 91, Điều 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà D yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà D yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Hạ D và ông Lưu Phạm Lê Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015, ngày 15/9/2015 nên hôn nhân của ông Q và bà D là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung thì bà D cho rằng ông Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, sống không có trách nhiệm với vợ con. Ông Q đã từng được cha mẹ hai bên khuyên nhủ nhưng không thay đổi. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, hôn nhân không hạnh phúc, ông bà đã không còn sống chung với nhau đã lâu nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Phạm Lê Q.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy tại kết quả xác minh Tòa án nhân dân quận B được biết ông Lưu Phạm Lê Q hiện không còn cư trú tại 13-13 lô C Chung cư Phạm Viết Chánh, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường X, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh: *“Đương sự Lưu Phạm Lê Q, sinh năm T88 có thực tế cư trú tại 1, phường X, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh”*. Tòa án nhân dân Quận 2 cũng đã tiến hành xác minh lại địa chỉ nơi cư trú của ông Q thì được Công an phường X, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết ông Q có thực tế cư trú tại địa chỉ này cùng với cha mẹ ruột. Tuy nhiên, khi Tòa án nhân dân Quận 2 đến để tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Q thì cha mẹ ông Q cho biết ông Q đi làm không có nhà và từ chối ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho ông Q.

Tòa án nhân dân Quận 2 đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên

tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Q cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ.

Bà D đã về sống tại nhà cha mẹ ruột ở số N Phường M, thành phố G, tỉnh TG từ đầu năm 2016, ông Q thường xuyên không có nơi ở cố định và không có chung sống cùng bà D tại thành phố G, tỉnh TG. Qua đó cho thấy ông Q và bà D đã không còn chung sống với nhau từ lâu là có thật.

Đối với việc ông Q vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập ông Q đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm cho thấy ông Q không có thiện chí muốn hòa giải, hàn gắn hôn nhân với bà D và không có ý thức tôn trọng pháp luật.

Hạnh phúc hôn nhân là sự chung tay vun đắp từ hai phía, do đó cả bà D và ông Q phải biết giữ gìn và tôn tạo, nhưng trong trường hợp này cho thấy ông Q không tôn trọng cuộc sống hôn nhân và không có thiện chí hàn gắn; do vậy việc tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông Q không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Vì vậy, đối với yêu cầu xin ly hôn của bà D mặc dù ông Q không thể hiện được ý chí trong việc giải quyết quan hệ hôn nhân nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy hạnh phúc hôn nhân của ông Q và bà D không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét cuộc sống vợ chồng của ông Q và bà D mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, cho bà D được ly hôn với ông Q.

Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống ông Lưu Phạm Lê Q và bà Nguyễn Hạ D có 01 con chung tên Lưu Nguyễn KD, sinh ngày: 03/01/2016. Hiện bà D đang là người chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong trường hợp này, trẻ Di đang sống ổn định với mẹ và bà D cũng có đủ điều kiện và khả năng nuôi con nên giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo quyền lợi của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D và ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về án phí:

Do bà D là nguyên đơn xin ly hôn nên bà D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; Điều 95, 96; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, 82, 82, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Hạ D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hạ D được ly hôn với ông Lưu Phạm Lê Q.

Quan hệ hôn nhân của ông Lưu Phạm Lê Q và bà Nguyễn Hạ D theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015 ngày 15/9/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Lưu Phạm Lê Q và bà Nguyễn Hạ D có 01 con chung tên: Lưu Nguyễn KD, sinh ngày 03/01/2016. Giao trẻ Lưu Nguyễn KD cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Hạ D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015542 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Thời hạn kháng cáo bản án của các đương sự là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Thời hạn kháng nghị bản án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân Phường T, Quận B.
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tạ Nam Phương